

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2021/DS-PT

Ngày: 30- 12 -2021

V/v kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Kim Cửa

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2021/DS-ST ngày 01, 05, 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2021/QĐPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sủ Văn N, sinh năm: 1964; là người theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/7/2020). *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp T1, xã L, huyện C2, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:***

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1967;

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968;

Cùng địa chỉ: ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp pháp của ông Đ, bà H: Anh Nguyễn Khắc H1, sinh năm: 1985; *(có mặt) (văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021)*

Cùng địa chỉ: Số nhà 158 A1, đường Đ, phường P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Số nhà 43, đường Đ, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1964; *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 07/7/2021)*

2. Bà Phan Thị Bạch T, sinh năm: 1964;

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1964; là người đại diện theo ủy quyền *(văn bản ủy quyền ngày 30/6/2021)*.

Cùng địa chỉ: ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Nguyễn Khắc H1, sinh năm: 1985; *(có mặt)*

4. Chị Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm: 1987;

Người đại diện hợp pháp pháp của chị T1: Anh Nguyễn Khắc H1, sinh năm: 1985; *(có mặt) (văn bản ủy quyền ngày 14/12/2021)*

Cùng địa chỉ: Số nhà 158 A1, đường Đ, phường P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Số nhà 43, đường Đ, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:*

1. Bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ;

2. Bị đơn Bà Nguyễn Thị H;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1;

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Khắc H1;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bản tự khai, biên bản hòa giải và cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Sử Văn N trình bày:*

Trước khi qua đời ông nội ông C là cụ C3 có lập tờ chúc ngôn tương phân quyền sử dụng đất ruộng cho 4 người con gồm: ông Nguyễn Văn Q trú tại ấp L1, xã P là cha ruột ông C; ông Nguyễn Văn H2; ông Nguyễn Văn M, trú tại ấp L1, xã P và bà Nguyễn Thị M1 có chồng tại tỉnh Long An. Tổng diện tích đất

ruộng có 2 thửa gồm thửa thứ nhất là 2,4ha và thửa thứ 02 là 2ha. Sau khi cụ C3 chết thì các con của cụ đã thực hiện đúng chúc ngôn do cụ để lại, mỗi người con của cụ đã nhận phần đất của mình được hưởng theo đúng vị trí của chúc ngôn và canh tác quản lý, sử dụng từ năm 1990 đến nay. Riêng ông Đ đã nhận được 3000m<sup>2</sup> đất. Ông Q nhận đất xong thì chia lại cho các con ông gồm ông C nhận được một phần khoảng 1000m<sup>2</sup> đất. Ngoài ra, còn hơn 1000m<sup>2</sup> là đất thổ mộ thì ông Q, ông H2, ông M, ông M1 giao cho ông C đứng tên quyền sử dụng đất lần đầu cùng với phần đất ông Q cho ông.

Ông C đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2003 diện tích 2180,3m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14 xã P, sau đó Sở tài nguyên môi trường cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/02/2020.

Vào thời điểm này phần đất để thực hiện theo di chúc thì ông M1 được nhận là 4000m<sup>2</sup> đất nhưng ông M1 không có điều kiện canh tác mà để lại cho ông Đ canh tác, phần đất này liền kề với phần đất của ông C. Do điều kiện ông C không canh tác đất mà để lại cho ông Q canh tác từ năm 1996. Tuy nhiên, do ông Q lớn tuổi không canh tác được nên đã giao cho ông Đ canh tác luôn cho thuận tiện. Đến năm 2010 ông C có nhu cầu sử dụng đất và cũng là điều kiện tách phần đất khu mộ trả lại cho ông Q, ông H2, ông M cùng đứng tên quyền sử dụng đất đúng như tờ chúc ngôn của cụ C3 lập năm 1982 nhưng ông Đ không đồng ý.

Nhiều lần ông C yêu cầu được địa phương giải quyết nhưng ông Đ không trả. Vì vậy, nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả lại cho ông phần đất có diện tích 2180,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa 321, tờ bản đồ 14 tọa lạc tại xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre do ông C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với cây trồng trên đất ông C đồng ý để cho ông Đ hưởng hết vụ ương.

*Tại bản tự khai ngày 17/6/2021, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Từ khi bà lấy chồng là Ông Nguyễn Văn Đ, năm 1983, bà đã ở trên thửa đất 321, tờ bản đồ 14, xã P đến nay, vợ chồng bà và con bà đã quản lý, sử dụng cất nhà ở và trồng cây hàng năm. Trong suốt quá trình sinh sống ở đây không có bất kỳ ai đến tranh chấp phần đất này cho đến khi ông C khởi kiện. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu của ông C, đất đã đưa vào tập đoàn vào năm 1983, sau đó cấp lại cho vợ chồng ông bà quản lý từ năm 1983 đến nay. Trong thời gian ông bà canh tác, không có ai tranh chấp hoặc ngăn cản nên bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với cây trồng, hệ thống ông dẫn nước tưới và lưới điện thì ông Đ yêu cầu nếu Tòa chấp nhận đất của ai thì người đó tự tháo dỡ, di dời. Ngoài ra, bà H không yêu cầu thêm gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Văn L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của Bà Phan Thị Bạch T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng tại văn bản trình bày ý kiến cũng như tại phiên hòa giải ông L trình bày:*

Phân ranh đất giữa ông với ông C xác định ranh từ xưa đến nay như ông xác định và không tranh chấp. Ông Đ không phải là chủ sử dụng đất nên lời ông Đ là không đúng. Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt ông và bà T trong suốt quá trình giải quyết án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1 và Anh Nguyễn Khắc H1 trình bày:*

Anh chị kết hôn với nhau vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh chị về sống ở phường P1, thành phố B. Tuy nhiên, anh chị đã hùn với ông Đ canh tác trên phần đất thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14, để ương cây giống như cây sầu riêng, cây mít... theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa ngày 23/4/2021. Do đó, nếu Tòa chấp nhận yêu cầu của ông C thì anh chị yêu cầu cho anh chị được tiếp tục canh tác trên đất đến hết vụ ương là vào cuối năm 2023. Ngoài ra, anh chị không yêu cầu thêm gì khác về chi phí cải tạo đất.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2021/DS-ST ngày 01, 05, 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C2 đã quyết định như sau:*

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 24, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn C phần đất có diện tích 2140,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14, xã P có tứ cận:

Bắc, Tây giáp thửa 316 của Ông Nguyễn Văn L.

Đông giáp thửa 305 của ông Huỳnh Văn H3 và thửa 328 của ông Huỳnh Văn V.

Nam giáp đường giao thông và một phần rạch. (Có bản vẽ kèm theo).

Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn C đồng ý cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 sử dụng cây trồng trên phần đất thuộc thửa 321 tờ bản đồ số 14 đến hết vụ ươm (ngày 31/12/2023dl).

Buộc Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 tháo dỡ, di dời toàn bộ hệ thống ống dẫn tưới nước, lưới điện và các cây ươm trên phần đất thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14 để trả lại phần đất trống cho ông Nguyễn Văn C, thời hạn tháo dỡ, di dời là đến hết ngày 31/12/2023dl.

Ghi nhận việc Bà Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 không yêu cầu về chi phí cải tạo đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 19/10/2021, bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2021/DS-ST ngày 01, 05, 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C2, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Công nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H phần đất có diện tích 2140,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14, xã P.

- Ngày 19/10/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2021/DS-ST ngày 01, 05, 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C2, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Công nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H phần đất có diện tích 2140,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14, xã P.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Khắc H1, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của anh và của ông Đ, bà H, chị T1. Đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét công sức cải tạo, gìn giữ, quản lý đất cho anh số tiền 200.000.000đồng (hai trăm triệu đồng), do ở cấp sơ thẩm anh có nhầm lẫn, không hiểu rõ việc giải thích của Tòa án nên không yêu cầu giải quyết.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu quan điểm: Thửa đất 312 mặc dù do ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có nguồn gốc của cụ C3 cho ông Đ từ năm 1982. Theo các xác nhận của người dân ở địa phương, gần phần đất tranh chấp mà bị đơn đã nộp cho Tòa án đều xác nhận từ năm 1983 đến nay ông Đ quản lý sử dụng đất này. Trong đó có xác nhận của ông Tây là anh em ruột của ông C và ông Đ. Khi tranh chấp quyền sử dụng đất với ông L là chủ đất giáp ranh, Ủy ban nhân dân xã cũng mời ông Đ đến giải quyết chứ không có mời ông C. Ông C, ông Q chưa canh tác bao giờ và cũng không có giấy tờ gì thể hiện cho ông Đ mượn đất. Ông Đ, ông C có vấn đề cấp nhậm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về số thửa so với trên thực địa chưa được sửa chữa nhưng ông C có mặt để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũ hiện nay ông Đ vẫn còn giữ. Ông Đ có 4 người con đã trưởng thành, sống và lớn lên trên thửa đất này mà Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là không phù hợp. Ông Đ đã sử dụng đất liên tục từ năm 1983 đến nay có sổ mục kê, có đóng thuế, có xác nhận của người dân địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Công nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H phần đất có diện tích 2140,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14, xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H; không chấp nhận kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1, ông Nguyễn Khắc H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2021/DS-ST ngày 01, 05, 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C2.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1, ông Nguyễn Khắc H1;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Khắc H1, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1 có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là hồ sơ, tài liệu xác lập quyền sử dụng đất lần đầu thửa 321, tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện C2 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre; thu thập chứng cứ là sổ mục kê đất đai thửa 321, tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre từ năm 1982 đến nay tại UBND xã P. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đã cung cấp cho Tòa án toàn bộ dữ liệu đất đai đối với thửa đất thửa 321, tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre và toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của Anh Nguyễn Khắc H1.

[2] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H có 4 người con đã trưởng thành, sống và lớn lên trên thửa đất này mà Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là không phù hợp. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cho rằng trong hộ của ông bà còn có hai người con của ông bà là ông Nguyễn Văn Quốc Dương và ông Nguyễn Văn Quốc Trường nhưng hiện tại các con của ông bà đã có vợ và đi làm ăn xa đã không có ở địa phương trong nhiều năm nay cho nên việc nguyên đơn cung cấp xác nhận ngày 01/10/2021 là các con của bà H ông Đ không có địa phương, không có canh tác trên đất là phù hợp. Theo biên bản xem xét thẩm định ngày 23/4/2021 thì số cây ươm chỉ khoảng 1 năm tuổi và bà T2, ông H1 cũng khẳng định toàn bộ cây con ươm trên đất tranh chấp là của ông bà cho nên ông D1, ông T3 không có quyền lợi gì trên đất. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không đưa ông D1, ông T3 vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[3] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H trả lại cho ông phần đất tranh chấp có diện tích qua đo đạc thực tế 2140,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14, tọa lạc ấp L1, xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre. Các bên đương sự đều thống nhất phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn C3, chết năm 1982. Sau khi cụ C3 chết thì các con cụ C3 phân chia di sản của cụ C3 theo chúc ngôn, việc phân chia này các con cụ C3 là ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị M1 không có tranh chấp. Ông H2, ông M, ông M1 thừa nhận phần đất tranh chấp được chia cho ông Nguyễn Văn Q. Sau khi được nhận thừa kế,

ông Q cho rằng ông đã cho ông Nguyễn Văn C phần đất trên, ông C đã đi đăng ký, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng qui định của pháp luật. Do đó, ông C cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông là có căn cứ.

[4] Bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H cho rằng phần đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn C3 cho ông bà canh tác từ năm 1983, nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Trong khi đó những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C3 vẫn còn sống và đều xác định phần đất tranh chấp đã cho ông Nguyễn Văn C và ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2003. Ông Đ cho rằng đã quản lý sử dụng đất từ năm 1983 nhưng trong quá trình canh tác, ông Đ cũng không đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2003 nhưng ông bà cũng không khiếu nại gì đến sau khi Ủy ban nhân dân xã P hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Đ thì ông Đ mới có đơn kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C. Ủy ban nhân dân huyện C2 cũng đã có văn bản trả lời về việc kiến nghị của Ông Nguyễn Văn Đ là việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C là đúng theo trình tự thủ tục. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm phía bị đơn đã cung cấp giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn M2, Huỳnh Văn Đ1, Bùi Thị N, Bùi Văn M3, Phan Văn B1, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị Cẩm L1, Trần Văn Ba2, Phan Văn U, Nguyễn Văn C3 nội dung Ông Nguyễn Văn Đ sống chung với cụ C3 từ nhỏ, phần đất này do ông Đ quản lý canh tác cùng cụ C3 từ khi cụ C3 còn sống đến nay. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên ông Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh được cụ C3 chuyển quyền sử dụng đất hay được cụ C3 lập di chúc để lại cho ông Đ phần đất này. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ là những người được quyền định đoạt quyền sử dụng phần đất này sau khi cụ C3 chết thừa nhận phần đất tranh chấp đã định đoạt cho ông Q và ông Q đã cho ông C. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông Đ.

[5] Ngoài ra, ông Đ còn cho rằng phần đất tranh chấp đã được đưa vào tập đoàn và tập đoàn giao lại cho ông bà canh tác theo giấy xác nhận của ông Nguyễn Thanh B3 và ông Nguyễn Văn C3, nhưng tại biên bản xác minh ngày 28/9/2021 thì ông C3, ông B3 đã xác định rõ phần đất thuộc thửa 321 do ông C, ông Đ tranh chấp không đưa vào tập đoàn. Việc các ông có xác nhận cho ông Đ vào ngày 25/01/2021 là do các ông không đọc kỹ văn bản nên xác nhận đất vào tập đoàn là không đúng. Bên cạnh đó, ông Q, ông H2 cũng đã khẳng định phần đất tranh chấp không có đưa vào tập đoàn. Theo kết quả thu thập chứng cứ do



Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp; Công văn trả lời của UBND xã P đã xác định không có hồ sơ lưu trữ thể hiện phần đất tranh chấp thuộc thửa 321 có đưa vào tập đoàn. Ngoài ra, ông Q là cha của ông C, ông Đ cũng đã khẳng định không có việc đất đưa vào tập đoàn. Ông Đ không cung cấp được chứng cứ nào khác thể hiện phần đất tranh chấp đã được đưa vào tập đoàn và tập đoàn cấp khoán lại cho ông nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông.

[6] Trên phần đất tranh chấp các có một số cây ươm như sầu riêng, mít... của bà T2, ông H1, ông Đ và hệ thống tưới nước, lưới điện do ông Đ đặt vào tháng 07 năm 2019. Đối với các cây ươm như sầu riêng, mít... của bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1. Chị T1 và anh H1 cho rằng cho rằng trong trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì anh chị xin được canh tác hết vụ ươm vào cuối năm 2023 sẽ trả lại đất. Yêu cầu này của chị T1, anh H1 phía nguyên đơn cũng đồng ý nên Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Do ông Đ, chị T1, anh H1 được sử dụng đất đến hết vụ ươm nên không xem xét chi phí hỗ trợ di dời. Đối với hệ thống tưới nước, lưới điện do ông Đ đặt vào tháng 07 năm 2019 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/4/2021 ông C và ông Đ cũng thống nhất của ai thì tự di dời, không yêu cầu giải quyết vấn đề này nên tòa cấp sơ thẩm buộc ông Đ tháo dỡ, di dời là phù hợp.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Khắc H1 yêu cầu tòa án xem xét công sức cải tạo đất cho anh số tiền 200.000.000đồng. Tuy nhiên, việc cải tạo đất của anh H1, chị T1 nhằm mục đích ươm cây giống, phục vụ việc kinh doanh nên không làm tăng giá trị đất. Đồng thời, nguyên đơn cũng đồng ý cho anh H1, chị T1 tiếp tục sử dụng phần đất đến hết vụ ươm ngày 31/12/2023 nên không có căn cứ để xem xét công sức cải tạo đất theo yêu cầu của anh H1.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1, ông Nguyễn Khắc H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 144/2021/DS-ST ngày 01, 05, 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C2. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Bích T1, ông Nguyễn Khắc H1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 144/2021/DS-ST ngày 01, 05, 06 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C2.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; Điều 24, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn C phần đất có diện tích 2140,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14, xã P, huyện C2, tỉnh Bến Tre, phần đất có tứ cận:

- Bắc, Tây giáp thửa 316 của Ông Nguyễn Văn L.
- Đông giáp thửa 305 của ông Huỳnh Văn H3 và thửa 328 của ông Huỳnh Văn V.
- Nam giáp đường giao thông và một phần rạch. (Có bản vẽ kèm theo).

2. Ghi nhận việc ông Nguyễn Văn C đồng ý cho Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 sử dụng cây trồng trên phần đất thuộc thửa 321 tờ bản đồ số 14 đến hết vụ ươm (ngày 31/12/2023 dương lịch).

3. Buộc Ông Nguyễn Văn Đ, Bà Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 tháo dỡ, di dời toàn bộ hệ thống ống dẫn tưới nước, lưới điện và các cây ươm trên phần đất thuộc thửa 321, tờ bản đồ số 14 để trả lại

phần đất trống cho ông Nguyễn Văn C, thời hạn tháo dỡ, di dời là đến hết ngày 31/12/2023 dương lịch.

Ghi nhận việc Bà Nguyễn Thị H, Chị Nguyễn Thị Bích T1, Anh Nguyễn Khắc H1 không yêu cầu về chi phí cải tạo đất.

4. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C tự nguyện chịu số tiền 6.460.000đồng (sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng), đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn C không phải chịu. Hoàn lại cho ông C tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 00007172 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C2.

- Ông Nguyễn Văn Đ và Bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu số tiền 300.000 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ và Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001708 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C2.

- Anh Nguyễn Khắc H1, Chị Nguyễn Thị Bích T1 phải chịu số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001709 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C2.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C2;
- Chi cục THADS huyện C2;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**

